

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
*V/v Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần giải quyết việc dân sự:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp:* Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp:* Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con";

Theo Quyết định mở phiên họp số: 1367/2019/QĐPH-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, địa chỉ cư trú: D Bo 2869/147,67181-Ceska republika (Cộng hòa Séc), anh T có đơn xin vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc);

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, địa chỉ cư trú: 301a H str 128-139 Germany (Cộng hòa liên bang Đức). Chị N có đơn xin vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

*Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N, anh T, chị N thống nhất trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do điều kiện khó khăn, năm 2008 vợ chồng bàn bạc thống nhất để anh đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài để kiếm thêm thu nhập cho gia đình, năm 2016 chị N cũng xuất khẩu lao động sang Đức và kể từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự cảm thông, không tin tưởng nhau về tình cảm lẫn kinh tế nên

thường xuyên cãi vã, bất hòa và vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm, không ai quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình nên vợ chồng thống nhất thỏa thuận ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung Nguyễn Khánh H, sinh ngày 21/01/2003, sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Khánh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Cháu Nguyễn Khánh H có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với bố có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N; công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị N giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh H, chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N thì hiện anh T đang sống tại Cộng hòa Séc, chị N đang sống tại Cộng hòa liên bang Đức nên đây là vụ án có yếu tố nước ngoài. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N. Anh T, chị N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và trình bày ý kiến tại bản tự khai đồng thời có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt có xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa Séc và Cộng hòa liên bang Đức nên Tòa án mở phiên họp giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Cuộc sống gia đình sau khi kết hôn gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng đã thống nhất để vợ chồng đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không tin tưởng nhau về tình cảm lẫn kinh tế nên thường xuyên cãi vã, bất hòa và vợ chồng sống ly thân từ đó. Hiện tại tình cảm không còn, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: Anh T, chị N có một con chung Nguyễn Khánh H, sinh ngày 21/01/2003, sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Khánh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận trên của anh T và chị N không trái với quy định của pháp luật, cháu Nguyễn Khánh H trước đây sống cùng với ông bà nội, hiện nay đã được xuất cảnh sang ở với anh T tại Cộng hòa Séc, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với bố vì vậy cần căn cứ Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu H trưởng thành 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị N không có tài sản chung, không có các khoản nợ khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N nộp lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa.

Quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự không có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 361, Điều 369 Điều 370, Điều 371, 396, 397, 464, 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị N giao con chung Nguyễn Khánh H, sinh ngày 21/01/2003 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu H trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được quyền ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc thay đổi mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

4. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N mỗi người phải nộp 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0005149 ngày 15/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Lệ phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THSDS Quảng Bình;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, H.B;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự, VP.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

**Nguyễn Thái Sơn**